TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2024
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đô
2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Chu Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 337/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc*" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Th- Sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt).
Cư trú: thôn Mai H, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy N- Sinh năm 1986 (Văng mặt)
Cư trú: thôn Mai H, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Đào Thị Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Duy N ngày 19/03/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng anh Nam ngay. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tân đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Duy N.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Duy Hiếu, sinh ngày 02/7/2010; Nguyễn Duy Phương, sinh ngày 18/9/2012. Hiện nay cả hai con chung đang sinh sống cùng chị. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, và yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ 01 tháng cho hai con chung.

Ngày 10/11/2023 chị Thơm có bản tự khai gửi cho tòa án BL số 47) chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh Nam nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất; công sức: Chị đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên chị có đơn xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Bị đơn anh Nguyễn Duy N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Đào Thị Th ngày 19/03/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Thơm về làm dâu và sống chung cùng anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tân đến nhau. Chị Thơm có đơn xin ly hôn, anh Đồng ý lý hôn theo yêu cầu của chị Đào Thị Th, do tình cảm vợ chồng không còn, không thể về đoàn tụ được.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Duy Hiếu, sinh ngày 02/7/2010; Nguyễn Duy Phương, sinh ngày 18/9/2012. Hiện nay cả hai con chung đang sinh sống cùng chị Thơm.

Tại bản khai; biên bản hòa giải anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị Thơm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất; công sức: Anh đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: chị Đào Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Duy N.

2, Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Duy N được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy Hiếu, sinh ngày 02/7/2010.

Giao cho chị Đào Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy Phương, sinh ngày 18/9/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4, Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5, Về án phí: Chị Thơm phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện; Bị đơn anh Nguyễn Duy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Đào Thị Th và anh Nguyễn Duy N kết hôn ngày 28/3/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Thơm yêu cầu ly hôn, anh Nam đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Thơm, nên yêu cầu của chị Thơm về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Duy N cần được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Duy Hiếu, sinh ngày 02/7/2010; Nguyễn Duy Phương, sinh ngày 18/9/2012. Tại biên bản hòa giải (BL số 40; 41; biên bản thuận tình ly hôn đề ngày 31/10/2023 các đương sự thỏa thuận giao cho chị Thơm được nuôi dưỡng cả hai con chung, ngày 02/11/2023 chị Thơm có đơn đề nghị thay đổi, chị Đào Thị Th yêu cầu giao cả hai con chung cho anh Nam nuôi dưỡng.

Đối với các con chung đã được Tòa án ghi lời khai, có sự giám hộ của chị Đào Thị Th là mẹ đẻ đã được HĐXX xem xét đánh giá.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cha mẹ phải có nghĩa vụ, trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, để các con có điều kiện phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần, các con đều là con chung của vợ chồng, nên nghĩa vụ và trách nhiệm là ngang nhau. Cả anh Nam và chị Thơm đều trong độ tuổi lao động, có sức khỏe chị Thơm đi làm công nhân, có thu nhập, anh Nam đang làm nghề xây dựng, anh Nam xác định thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Do vậy để các con có điều kiện phát triển tốt nhất, cả về thể chất, tình thần, phù hợp cần giao cho anh Nam nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy Hiếu, sinh ngày 02/7/2010; Giao cho chị Đào Thị Th nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy Phương, sinh ngày 18/9/2012 là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập của các đương sự, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các bên đương sự xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: chị Thơm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền khác cáo theo quy định tại các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Đào Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Duy N.

2, Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Duy N được nuôi con chung là Nguyễn Duy Hiếu, sinh ngày 02/7/2010;

Giao cho chị Đào Thị Th được nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Duy Phương, sinh ngày 18/9/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000316 ngày 19/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Thơm đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần